

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026

ĐỘ TUỔI: 12- 18 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU- NỘI DUNG.

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh
	Mục tiêu		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1. Phát triển vận động			
<i>a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>			
1	- Trẻ thực hiện được bài tập. Làm được 1 số động tác đơn giản cùng cô: Giơ cao tay, ngồi cúi về phía trước, nằm giơ cao chân...	- Hô hấp: Tập hít thở. - Tay: + Tay giơ cao, hạ xuống + Co duỗi tay (gập khuỷu tay) + 2 tay đưa ra phía trước + 2 tay đưa sang ngang, - Lưng, Bụng, Lườn: + Ngồi cúi về phía trước + Nghiêng người sang 2 bên. - Chân: + Nằm nhấc cao từng chân + Nằm nhấc cao 2 chân + Ngồi dang chân sang 2 bên + Co duỗi chân (gập gối)	
<i>b) Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</i>			
2	- Trẻ có khả năng tự đi tới chỗ giáo viên (khi được gọi) hoặc đi tới chỗ trẻ muốn	* Tập đi - Đi giữ nách -Đi giữ 2 tay -Đi cầm tay cô -Đi theo hướng thẳng -Đi trong đường hẹp	
3	- Trẻ có thể bò theo bóng lăn/ đồ chơi 2,5-3m	* Tập trườn bò: -Bò về phía trước - Trườn qua vật cản - Bò qua vật cản - Bò theo bóng lăn 2,5-3m - Bò tới đồ chơi - Bò chui qua ống	
4	- Trẻ thực hiện được các vận động có sự phối hợp: Biết lăn, bắt bóng với cô.	- Lăn bóng cùng cô.	
5	- Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động lăn, ném bóng: Ngồi lăn mạnh bóng lên	- Ngồi lăn bóng bằng 2 tay - Ngồi lăn bóng và bò tới đồ chơi -Ngồi tung (hất) bóng - Đứng tung bóng	

	phía trước được khoảng 2,5m; có thể tung (hắt) bóng xa được khoảng 70cm.	- Đứng tung bóng vào rổ	
<i>c, Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt.</i>			
6	- Trẻ thực hiện được cử động bàn tay, ngón tay khi cầm, gõ, bóp, đập đồ vật.	- Xoay bàn tay và cử động các ngón tay. - Gõ, đập, cầm, bóp đồ vật. - Đóng mở nắp không ren	
7	- Trẻ biết lồng được 2- 3 hộp, xếp chồng được 2-3 khối vuông.	- Tháo lắp vòng - Lồng được 2 - 3 hộp - Xếp chồng 2-3 khối	
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.			
<i>a, Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</i>			
8	- Trẻ có thể thích nghi được với chế độ ăn cháo nấu với các thực phẩm khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm cháo nấu với các thực phẩm khác nhau (cháo cá, cháo thịt, ...) - <i>Quyền được sống còn</i>	
9	- Trẻ ngủ đủ 2 giấc theo chế độ sinh hoạt	- Làm quen chế độ ngủ 2 giấc	
10	- Trẻ có khả năng tập 1 số thói quen vệ sinh tốt (ngồi bô, rửa tay...)	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn. Chấp nhận ngồi bô khi đi vệ sinh.	
<i>b, Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</i>			
11	- Trẻ có khả năng làm quen với 1 số việc để tự phục vụ dưới sự giúp đỡ của người lớn (tập ngồi vào bàn ăn, xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc...)	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt	
<i>c, Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</i>			
12	- Trẻ có khả năng nhận biết và tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (sàn nhà vệ sinh, phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm nguy hiểm (sàn nhà vệ sinh, phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (Ổ điện, cầu thang, bếp lửa, xô nước...). - Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	

II. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
1. Luyện tập và phối hợp các giác quan		
13	- Trẻ có thể sờ, nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh khác nhau và tìm nơi phát ra âm thanh - Xem tranh - Ném ví 1 số loại quả, thức ăn gần gũi có sẵn tại địa phương. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của 1 số loại hoa quả quen thuộc gần gũi có sẵn tại địa phương (quả cam, quả xoài...) - Chơi các trò chơi mô phỏng tiếng kêu của con vật, đồ vật
2. Nhận biết		
14	- Trẻ có khả năng bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Soi gương, nhận ra hình ảnh của bản thân trong gương.
15	- Trẻ nhận biết được tên của mình, những người gần gũi (có thể chỉ hoặc nói) khi được hỏi.	- Tên của bản thân - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.
16	- Trẻ nhận biết được một vài bộ phận trên cơ thể của người (chỉ vào hoặc nói) khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân
17	- Trẻ nhận biết được tên một số đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc (chỉ / lấy / nói) theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (bát, thìa, cốc...). - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân (quả bóng, búp bê, cái gối, cái cốc, khăn mặt...) - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc (Quả bưởi, quả chuối...). - Tên của phương tiện giao thông gần gũi (xe đạp, xe máy, ô tô...) - Mùa hè, 1 số trang phục mùa hè
18	- Trẻ nhận biết được đồ chơi có màu đỏ, hoặc màu xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, xanh.

	hoặc gợi ý của người lớn.		
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
19	- Trẻ hiểu được 1 số từ chỉ người, đồ chơi, đồ dùng gần gũi	- Nghe các từ chỉ tên gọi người, đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	
20	- Trẻ thực hiện được (làm theo) 1 vài yêu cầu đơn giản: Chào, hoan hô, tạm biệt ...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. Chào - khoanh tay, hoan hô - vỗ tay, tạm biệt - vẫy tay...	
21	- Trẻ hiểu được câu hỏi: "...đâu?"	- Nghe các câu hỏi: ...đâu? (Bà đâu? Mẹ đâu? Tay đâu?...) - Nghe các bài thơ, bài hát, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh của địa phương. - Xem tranh và chỉ vào các nhân vật trong tranh	
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng, các câu.			
22	- Trẻ có khả năng bắt chước được âm thanh, ngôn ngữ khác nhau	- Nói theo người lớn các âm khác nhau: Ta ta, meo meo, bim bim...	
23	- Trẻ có thể nhắc lại một số từ đơn : Mẹ, bà, gà...	- Gọi tên người, đồ vật, con vật gần gũi	
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
24	- Trẻ biết sử dụng các từ đơn giản khi giao tiếp: Gọi bà, gọi mẹ...	- Phát âm các âm khác nhau: Bà ơi, mẹ ơi...	
25	- Trẻ có thể nói câu gồm một hoặc hai từ: "Bé" (khi muốn được bế); "Uống" (khi muốn được uống)...	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản. - Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	
IV. Lĩnh vực Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
1. Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân			
26	- Trẻ nhận biết được bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi)	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân	
2. Trẻ nhận biết được và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi			
27	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.	

28	- Trẻ cảm nhận được và biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh. - <i>Quyền được bảo vệ</i>	
29	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Quan tâm đến các vật nuôi, đồ vật, đồ dùng đồ chơi...hàng ngày	
3. Trẻ thực hiện được một số hành vi xã hội đơn giản;			
30	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ” phù hợp với văn hóa địa phương.	
31	- Trẻ có khả năng bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - <i>Quyền được tham gia</i>	
32	- Trẻ có thể làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.	
4. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ			
33	- Trẻ thích nghe hát và vận động đơn giản theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...)	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh các nhạc cụ, nghe những bài hát có giai điệu vui tươi, ngộ nghĩnh về gia đình bé, con vật, sự vật hiện tượng gần gũi, nghe âm thanh (Róc rách, tí tách, còi ô tô, xắc xô của các nhạc cụ, gần gũi quen thuộc tại địa phương. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
34	- Trẻ thích vẽ, thích xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh	

II. DỰ KIẾN THÁNG VÀ THỜI GIAN NHÓM TRẺ 12- 18 THÁNG TUỔI

Stt	Tháng	Số tuần	Thời gian	Lễ/hội/sự kiện	Ghi chú
1	Tháng 9 (4 tuần)	Tuần 1	08/9 ->12/9/2025	Khai giảng (thứ 6 ngày 5/9/2025) -Tết trung thu ngày (3/10/2025)	
		Tuần 2	15/9 ->19/9/2025		
		Tuần 3	22/9 ->26/9/2025		
		Tuần 4	29/9->03/10/2025		
2	Tháng 10 (4 tuần)	Tuần 1	06/10->10/10/2025		
		Tuần 2	13/10->17/10/2025		
		Tuần 3	20/10->24/10/2025		
		Tuần 4	27/10->31/10/2025		
3	Tháng 11 (4 tuần)	Tuần 1	03/11->07/11/2025	Ngày nhà giáo VN 20/11	
		Tuần 2	10/11->14/11/2025		
		Tuần 3	17/11->21/11/2025		
		Tuần 4	24/11->28/11/2025		
4	Tháng 12 (5 tuần)	Tuần 1	01/12->05/12/2025		
		Tuần 2	08/12->12/12/2025		
		Tuần 3	15/12->19/12/2025		
		Tuần 4	22/12->26/12/2025		
		Tuần 5	29/12/25 >02/01/2026		
5	Tháng 1 (4 tuần)	Tuần 1	05/01->09/01/2026		
		Tuần 2	12/01->16/01/2026		
		Tuần 3	19/01->23/01/2026		
		Tuần 4	26/01->30/01/2026		
6	Tháng 2 (3 tuần)	Tuần 1	02/02->06/02/2026	Trải nghiệm tết nguyên đán (12/2/2026)	
		Tuần 2	09/02->13/02/2026		
		Tuần 3	23/02->27/02/2026		
7	Tháng 3 (4 tuần)	Tuần 1	02/03->06/03/2026	Trải nghiệm ngày 8/3	
		Tuần 2	09/03->13/03/2026		
		Tuần 3	16/03->20/03/2026		
		Tuần 4	23/03->27/03/2026		
8	Tháng 4 (4 tuần)	Tuần 1	30/03->03/04/2026		
		Tuần 2	06/04->10/04/2026		
		Tuần 3	13/04->17/04/2026		

		Tuần 4	20/04->24/04/2026		
9	Tháng 5 (3 tuần)	Tuần 1	04/05->08/05/2026	- Ngày QT thiếu nhi 1/6 (22/5/2026)	
		Tuần 2	11/05-> 15/05/2026		
		Tuần 3	18/05->22/05/2026		

BAN GIÁM HIỆU
(Ký duyệt)

Ngày 25 tháng 08 năm 2025
NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Nguyễn Hương Giang

Lò Thị Chấn